

Số: 43/2026/QĐST-DS

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ung Thị Ngọc Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thanh Hương

Bà Lương Thị Thu An

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-DS ngày 08/7/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thỏa thuận giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn:

+ Công ty Cổ phần M1 (Mars); Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà V, Số I D, phường C, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Kim L – Trưởng bộ phận xử lý nợ miền nam IV; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Hồ Ngọc H1 – chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: Tầng D, Tòa nhà C, D đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1); Địa chỉ trụ sở: Tòa VPBank Tower, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T1 – Phó giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Chí B - chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: Tầng D, Tòa nhà C, D đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Bà Hồ Thị L1, sinh năm 1983 và ông Trương Minh N, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ cư trú: Tổ I, khu phố M, phường C, tỉnh Đồng Nai (có mặt)

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:*

2.1.1. Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải trả cho V1 và M theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2305259261105 ngày 06/6/2023 số tiền tạm tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.290.940.587 đồng (trong đó nợ gốc là 3.498.000.000 đồng, nợ lãi là 741.916.368 đồng, lãi chậm trả là 51.024.219 đồng).

Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trên số nợ gốc tại tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1 và M.

Trường hợp ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì V1 và M có quyền yêu cầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ, tài sản là: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, tại địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CD 857700, số vào sổ cấp GCN: CS 00222 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/10/2016 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 đối với V1 và M. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V1 và M.

2.1.2. Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải trả cho V1 và M theo Hợp đồng cho vay số LN2305299293724 ngày 06/6/2023, số tiền tạm tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.016.495.589 đồng (trong đó nợ gốc là 4.842.790.035 đồng, nợ lãi là 1.094.345.989 đồng, lãi chậm trả là 79.359.565 đồng)

Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trên số nợ gốc tại tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1 và M.

Trường hợp ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì V1 và M có quyền yêu cầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ, tài sản là: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 38, tại địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BK 222033, số vào sổ cấp GCN: CH 00941 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/6/2012 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 đối với V1 và M. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V1 và Mars

2.1.3. Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải trả cho V1 và M theo Hợp đồng cho vay số LN2307249796867 ngày 28/7/2023, số tiền tạm tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày

xét xử sơ thẩm là 7.778.854.161 đồng (trong đó nợ gốc là 6.200.000.000 đồng, nợ lãi là 1.456.206.465 đồng, lãi chậm trả là 122.647.696 đồng)

Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trên số nợ gốc tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1 và M.

Trường hợp ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì V1 và M có quyền yêu cầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ, tài sản là:

+ Tài sản 1: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ số 32, tại địa chỉ: Ấp A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 530884, số vào sổ cấp GCN: CH 00330 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/01/2011 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

+ Tài sản 2: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 237, tờ bản đồ số 32, tại địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DK 121064, số vào sổ cấp GCN: CN 02404 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/7/2023 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1

+ Tài sản 3: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 34, tại địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DH 806139, số vào sổ cấp GCN: CS 11179 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/10/2022 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 đối với V1 và M. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V1 và Mars

2.1.4. Tổng cộng đối với 03 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2305259261105 ngày 06/6/2023, Hợp đồng cho vay số LN2305299293724 ngày 06/6/2023; Hợp đồng cho vay số LN2307249796867 ngày 28/7/2023 nêu trên: Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 và V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/02/2026 là 18.086.290.337 đồng. Trong đó, nợ gốc: 14.541.488.335 đồng, nợ lãi: 3,545,500,302 đồng, cụ thể:

+ Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/02/2026 là 17.181.975.820 đồng. Trong đó, nợ gốc: 13.814.448.833 đồng, nợ lãi 3.368.225.287 đồng.

+ Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/02/2026 là: 904.314.517 đồng. Trong đó, nợ gốc: 727.039.502 đồng, nợ lãi 177.275.015 đồng

*Thời hạn và phương thức thanh toán:* Trong vòng 02 tháng kể từ ngày 05/02/2026, ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 sẽ thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ nêu trên vào ngày 05/4/2026.

2.2. *Về xử lý tài sản thế chấp:* Trường hợp ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là các tài sản gồm:

Tài sản 1: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 33, tại địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CD 857700, số vào sổ cấp GCN: CS 00222 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/10/2016 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

Tài sản 2: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 38, tại địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BK 222033, số vào sổ cấp GCN: CH 00941 do Ủy ban nhân dân huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/6/2012 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

Tài sản 3: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ số 32, tại địa chỉ: Ấp A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 530884, số vào sổ cấp GCN: CH 00330 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/01/2011 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

Tài sản 4: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 237, tờ bản đồ số 32, tại địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DK 121064, số vào sổ cấp GCN: CN 02404 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13/7/2023 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

Tài sản 5: Quyền sở hữu/sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 34, tại địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DH 806139, số vào sổ cấp GCN: CS 11179 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/10/2022 cho ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 đối với V1 và M. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V1 và M.

2.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V1 và M đối với phần yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 29/5/2023.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên theo quy định của pháp luật

*2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 126.086.290 đồng. Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 không phải chịu án phí.

Thi hành án dân sự tỉnh Đ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 4.953.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002854 ngày 20/6/2025 và số tiền 13.913.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002853 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Thi hành án dân sự tỉnh Đ trả cho Công ty Cổ phần M1 số tiền 59.659.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002855 ngày 20/6/2025 và số tiền 51.984.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002852 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

*2.5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Ông Trương Minh N, bà Hồ Thị L1 phải trả lại cho Công ty Cổ phần M1 số tiền 5.000.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ung Thị Ngọc Thanh**